TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Huỳnh Liêm
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Thành Công
- Ông Thạch Thanh Long

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 212/2021/TLST-HN ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị T, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện Ch, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trần Thanh D, sinh năm 1978
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12-5-2021 và bản tự khai ngày 28-10-2021nduyên đơn chị Lâm Thị T trình bày: Chị T với anh Trần Thanh D quen biết nhau do mai mối và được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2009, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã A ngày 11/12/2009. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp ý nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải với nhau nên chị T bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Thanh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần L, sinh ngày 14/10/2013 hiện đang sống với anh D. Sau khi ly hôn, theo nguyện vọng của con ở với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh D: Trong quá trình giải quyết anh D vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Con chung Trần L: Hiện nay con đang sống với anh D không có ý kiến.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lâm Thị T đối với anh Trần Thanh D có địa chỉ Ấp 5A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt còn bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị T với Trần Thanh D tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 200/2009 ngày 11 tháng 12 năm 2009 đã xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo lời khai của chị Lâm Thị T cho rằng nguyên nhân vợ chồng không còn hạnh phúc do vợ chồng thường hay cự cải với nhau, bất đồng quan điểm sống nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh D. Đối với anh D, Toà án đã mời nhiều lần để giải quyết nhằm hàn gắn cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D không đến dự. Tuy nhiên, theo lời khai của ông Trần Văn Thanh Bình và bà Phạm Thị Hoàng Hoa là cha mẹ ruột của anh D có ý cho rằng, hiện nay anh D cùng con trai tên Trần L đi làm ăn ở Bình Dương, ông bà có gọi điện thoại cho anh D hay về việc chị T xin ly hôn nhưng anh D không về để giải quyết và có ý kiến đồng ý ly hôn. Đồng thời, ông Bình, bà Hoa còn cho biết thêm nguyên nhân chị T và anh D không còn sống với nhau là do anh D không chịu về ở rễ nhà chị T nên không thể hàn gắn lại được với nhau. Thấy rằng, nguyên nhân vợ chồng chị T, anh D không còn sống chung với nhau là do bất đồng quan điểm sống nên năm 2016 chị T và anh D sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng thực tế hiện nay chị T về sống bên nhà mẹ ruột ở huyện Ch, tỉnh Trà Vinh còn anh D đi làm ở Bình Dương, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, thân ai nấy lo không còn quan tâm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Từ những cở sở trên, việc yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh D.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh D có 01 người con chung tên Trần L, sinh ngày 14/10/2013 đã trên 07 tuổi, theo khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và Gia đình thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tuy nhiên, sau khi chị T và anh D ly thân, cháu Trần L theo anh D sống ở tỉnh Bình Dương nên nghỉ đây cũng là nguyện vọng thực tế của cháu Trần L được sống với anh D. Đối với chị T, sau khi ly thân, chị T về nhà mẹ ruột sống giao con cho ông Dũng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay và tại bản khai chị T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét người nuôi con theo nguyện vọng của con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho anh Trần Thanh D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Khi đó, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, do anh D chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn anh D được quyền yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh và có tranh chấp, các bên được quyền yêu cầu trong vụ kiện khác.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị T tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 51, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh D. Giấy chứng nhận kết hôn số 200/2009 ngày 11 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban nhân dân xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh cấp cho chị Lâm Thị T và anh Trần Thanh D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh Trần Thanh D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần L, sinh ngày 14/10/2013.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh D chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, anh D được quyền yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh và có tranh chấp, các bên được quyền yêu cầu trong vụ kiện khác.

5. Về án phí: Chị Lâm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị T được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005165 ngày 12/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Lâm Thị T và anh Trần Thanh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã An Trường;
- Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Huỳnh Liêm